TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 337/2026/QĐST-DS	*Thạch Thất, ngày 11 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 08 năm 2026 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự số 279/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phí Thị H, sinh năm 1974. Căn cước công dân số 001174004020.

Địa chỉ: Thôn 4, xã T Ph, thành phố H N.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1980. Căn cước công dân số 001080016463.

Địa chỉ: Thôn 4, xã T Ph, thành phố H N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1980. Căn cước công dân số 001180026199.

Địa chỉ: Thôn 4, xã T Ph, thành phố H N.

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966. Căn cước công dân số 001066014410.

Địa chỉ: Thôn 4, xã T Ph, thành phố H N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Phí Thị Hoa, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị D xác nhận, tính đến ngày 03/8/2026, nợ gốc mà ông Y – bà D còn nợ bà Hoa – ông P là 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

2.2. Xác nhận số nợ lãi mà ông Y – bà D còn nợ bà H – ông P tạm tính từ 01/01/2026 đến 31/7/2026 là 72.625.000đ (Bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.3. Chậm nhất đến ngày 31/12/2026 (dương lịch), ông Y - bà D phải trả cho bà H – ông P toàn bộ số tiền nợ gốc 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), không phải trả nợ lãi 72.625.000đ (Bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Nếu quá thời hạn 31/12/2026 mà ông Y – bà D không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ gốc 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) thì phải trả cả số tiền nợ lãi 72.625.000đ (Bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nói trên.

2.4. Kể từ ngày bà H – ông P có đơn thi hành án mà ông Y – bà D không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ông Y - bà D còn phải trả tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (10%/năm) tương ứng với thời gian chậm trả.

2.5. Về án phí: Ông Y – bà D tự nguyện chịu toàn bộ 24.750.000đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà Phí Thị H số tiền 33.062.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002843 ngày 03/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND KV10 – Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu: hồ sơ, VPTA.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy